TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: 1 ...KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Đỗ Thị Cẩm Vân

HỌC PHẦN: Tiếng Anh 1 ..... HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 200	Trần Thị	Thái	8	10		9	2		4		Đợt 1
2	K19 - 201	Hà Thị Kiều	Anh	8	10		9	8		8		Đợt 2
3	K19 - 202	Lương Hải	Anh	8	8		8	6		7		
4	K19 - 203	Nguyễn Thị Hồng	Châm	9	8		9	7		8		
5	K19 - 204	Hoàng Xuân	Diệu	8	8		8	5		3		Vắng k° phép L4
6	K19 - 205	Lưu Minh	Đức	8	6		7	2		6		
7	K19 - 206	Nguyễn Thị	Hạnh	8	10		9	5		4		
8	K19 - 207	Nguyễn Thị	Hảo	8	8		8	5		6		
9	K19 - 208	Nguyễn Thị	Hiền	8	9		9	6		7		
10	K19 - 209	Tạ Thị	Hiền	10	9		10	6		7		
11	K19 - 210	Phạm Quang	Hiệp	0	0		0	0		0		Bỏ học
12	K19 - 211	Nguyễn Thị	Hoa	8	9		9	6		7		
13	K19 - 212	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	0	0		0	0		0		Bỏ học
14	K19 - 213	Nguyễn Thanh	Hoài	8	7		8	3		5		
15	K19 - 214	Hà Thị	Hồng	8	7		8	3		5		
16	K19 - 215	Phan Văn	Hùng	8	7		8	2		4		
17	K19 - 216	Vũ Thị Mỹ	Huyền	0	0		0	0		0		Bỏ học
18	K19 - 217	Hoàng Thu	Hương	8	7		8	5		6		
19	K19 - 218	Nguyễn Thị	Hương	8	8		8	7		7		
20	K19 - 219	Phan Thị	Hường	10	7		9	3		5		
21	K19 - 220	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	6	7		7	5		6		
22	K19 - 221	Tạ Thị Bích	Lệ	8	8		8	6		7		
23	K19 - 222	Bùi Thị	Liên	0	0		0	0		0		Bỏ học
24	K19 - 223	Đỗ Thị	Loan	0	0		0	0		0		Bỏ học
25	K19 - 224	Nguyễn Phương	Loan	8	8		8	4		5		
26	K19 - 225	Nguyễn Thị Hồng	Loan	8	6		7	3		4		
27	K19 - 226	Trần Thị Kiều	Loan	0	0		0	0		0		Bỏ học
28	K19 - 227	Nguyễn Thị	Lơ	0	0		0	0		0		Bỏ học
29	K19 - 228	Ngô Thị	Mai	10	9		10	4		6		
30	K19 - 229	Lưu Thị	Mận	8	6		7	2		4		
31	K19 - 230	Nguyễn Thị	Minh	0	0		0	0		0		Bỏ học
32	K19 - 231	Nguyễn Thị Huyền	My	0	0		0	0		0		Bỏ học

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
33	K19 - 232	Phùng Trà	My	0	0		0	0		0		Bỏ học
34	K19 - 233	Nguyễn Thị	Ngọc	8	7		8	6		7		
35	K19 - 234	Nguyễn Thị Như	Ngọc	8	6		7	5		6		
36	K19 - 235	Đặng Minh	Nguyệt	0	0		0	0		0		Bỏ học
37	K19 - 236	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	0	0		0	0		0		Bỏ học
38	K19 - 237	Dương Thị Tuyết	Nhung	8	6		7	6		6		
39	K19 - 238	Hà Thị Hồng	Nhung	8	6		7	6		6		
40	K19 - 239	Nguyễn Thị	Nhung	0	0		0	0		0		Bỏ học
41	K19 - 240	Đỗ Thị Thu	Phương	0	0		0	0		0		Bỏ học
42	K19 - 241	Nguyễn Mai	Phương	6	7		7	5		6		
43	K19 - 242	Nguyễn Thị Bích	Phương	8	7		8	5		6		
44	K19 - 243	Nguyễn Thị	Phương	9	8		9	6		7		
45	K19 - 244	Nguyễn Thị	Quỳnh	9	10		10	6		7		
46	K19 - 245	Nguyễn Thị Minh	Tâm	0	0		0	0		0		Bỏ học
47	K19 - 246	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	8	9		9	6		7		
48	K19 - 247	Phùng Thị Kim	Tuyến	8	10		9	6		7		
49	K19 - 248	Hà Thị	Thái	6	10		8	6		7		
50	K19 - 249	Hạ Thị Thanh	Thảo	8	7		8	6		7		
51	K19 - 250	Nguyễn Thị	Thu	8	8		8	7		7		
52	K19 - 251	Trần Bích	Thuận	8	8		8	6		7		
53	K19 - 252	Đỗ Thị Minh	Thuý	8	7		8	5		6		
54	K19 - 253	Đào Thị Thu	Thủy	8	7		8	7		7		
55	K19 - 254	Bùi Huyền	Trang	6	4		5	7		6		
56	K19 - 255	Ngô Thị Thu	Trang	8	6		7	6		6		
57	K19 - 256	Đào Đức	Trung	0	0		0	0		0		Bỏ học
58	K19 - 257	Lương Thị	Xuân	8	8		8	6		7		
59	K19 - 258	Trần Thị	Xuân	9	8		9	7		8		
60	K19 - 259	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	8	7		8	6		7		Đợt 3 27/09/1997
61	K19 - 260	Phạm Thị Ánh	Hồng	6	6		6	7		7		
62	K19 - 261	Phan Thị Thùy	Linh	0	0		0	0		0		Bỏ học
63	K19 - 262	Tô Phương	Thảo	6	5		6	7		7		
64	K19 - 263	Nguyễn Thị	Dung	6	10		8	6		7		Đợt 4
65	K19 - 264	Nguyễn Văn	Hùng	7	8		8	.		.		Vắng có phép L1
66	K19 - 265	Phan Văn	Vinh	0	0		0	0		0		Bỏ Đợt học

Ấn định danh sách lớp có: 66 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 48 Số sinh viên không được dự thi: 18

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 01 (202) Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP 03 (204, 205, 206)

Ngày 26 tháng 1 năm 20 19

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Đỗ Thị Cẩm Vân	Cẩm Vân	Đoàn Việt Phương Chu Thị Ngọc		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: 1 ...KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Thị Vân Thương

HỌC PHẦN: Nhạc lí ..... HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 200	Trần Thị	Thái	9	6		8	1		(3)		Đợt 1
2	K19 - 201	Hà Thị Kiều	Anh	10	8		9	10		10		Đợt 2
3	K19 - 202	Lương Hải	Anh	10	9		10	9		9		
4	K19 - 203	Nguyễn Thị Hồng	Châm	10	10		10	10		10		
5	K19 - 204	Hoàng Xuân	Diệu	9	8		9	0		(3)		Bỏ tiết
6	K19 - 205	Lưu Minh	Đức	10	9		10	10		10		
7	K19 - 206	Nguyễn Thị	Hạnh	9	6		8	10		9		
8	K19 - 207	Nguyễn Thị	Hảo	10	7		9	4		6		
9	K19 - 208	Nguyễn Thị	Hiền	10	10		10	10		10		
10	K19 - 209	Tạ Thị	Hiền	10	8		9	10		10		
11	K19 - 210	Phạm Quang	Hiệp	/	/		/			/		Bỏ học
12	K19 - 211	Nguyễn Thị	Hoa	8	9		9	8		8		
13	K19 - 212	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	/	/		/			/		Bỏ 1 tiết
14	K19 - 213	Nguyễn Thanh	Hoài	9	5		7	10		9		
15	K19 - 214	Hà Thị	Hồng	10	8		9	5		6		
16	K19 - 215	Phan Văn	Hùng	9	7		8	3		5		
17	K19 - 216	Vũ Thị Mỹ	Huyền	/	/		/			/		Bỏ học
18	K19 - 217	Hoàng Thu	Hương	10	8		9	7		8		
19	K19 - 218	Nguyễn Thị	Hương	10	10		10	10		10		
20	K19 - 219	Phan Thị	Hường	10	9		10	4		6		
21	K19 - 220	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	9	8		9	8		8		
22	K19 - 221	Tạ Thị Bích	Lệ	10	9		10	10		10		
23	K19 - 222	Bùi Thị	Liên	/	/		/			/		Bỏ học
24	K19 - 223	Đỗ Thị	Loan	/	/		/			/		Bỏ học
25	K19 - 224	Nguyễn Phương	Loan	10	7		9	10		10		
26	K19 - 225	Nguyễn Thị Hồng	Loan	9	7		8	8		8		
27	K19 - 226	Trần Thị Kiều	Loan	/	/		/			/		Bỏ học
28	K19 - 227	Nguyễn Thị	Lơ	/	/		/			/		Bỏ học
29	K19 - 228	Ngô Thị	Mai	10	8		9	10		10		
30	K19 - 229	Lưu Thị	Mận	9	8		9	2		(4)		
31	K19 - 230	Nguyễn Thị	Minh	/	/		/			/		Bỏ học
32	K19 - 231	Nguyễn Thị Huyền	My	/	/		/			/		Bỏ học
33	K19 - 232	Phùng Trà	My	/	/		/			/		Bỏ học

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
34	K19 - 233	Nguyễn Thị	Ngọc	8	8		8	9		9		
35	K19 - 234	Nguyễn Thị Như	Ngọc	9	9		9	0		(3)		VPQT
36	K19 - 235	Đặng Minh	Nguyệt	9	5		7	0		(2)		Bỏ thi L1
37	K19 - 236	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	/	/		/			/		Bỏ học
38	K19 - 237	Dương Thị Tuyết	Nhung	9	8		9	7		8		
39	K19 - 238	Hà Thị Hồng	Nhung	9	7		8	9		9		
40	K19 - 239	Nguyễn Thị	Nhung	/	/		/			/		Bỏ học
41	K19 - 240	Đỗ Thị Thu	Phương	/	/		/			/		Bỏ học
42	K19 - 241	Nguyễn Mai	Phương	8	6		7	0		(2)		Bỏ thi L1
43	K19 - 242	Nguyễn Thị Bích	Phương	10	10		10	8		9		
44	K19 - 243	Nguyễn Thị	Phượng	9	8		9	5		6		
45	K19 - 244	Nguyễn Thị	Quỳnh	8	8		8	6		7		
46	K19 - 245	Nguyễn Thị Minh	Tâm	/	/		/			/		Bỏ học
47	K19 - 246	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	10	8		9	8		8		
48	K19 - 247	Phùng Thị Kim	Tuyến	10	9		10	10		10		
49	K19 - 248	Hà Thị	Thái	10	6		8	3		5		
50	K19 - 249	Hạ Thị Thanh	Thảo	10	7		9	10		10		
51	K19 - 250	Nguyễn Thị	Thu	10	8		9	8		8		
52	K19 - 251	Trần Bích	Thuận	10	9		10	9		9		
53	K19 - 252	Đỗ Thị Minh	Thuý	9	6		8	10		9		
54	K19 - 253	Đào Thị Thu	Thủy	10	6		8	5		6		
55	K19 - 254	Bùi Huyền	Trang	9	8		9	1		(4)		
56	K19 - 255	Ngô Thị Thu	Trang	10	9		10	6		7		
57	K19 - 256	Đào Đức	Trung	/	/		/			/		Bỏ học
58	K19 - 257	Lương Thị	Xuân	9	8		9	8		8		
59	K19 - 258	Trần Thị	Xuân	9	8		9	8		8		
60	K19 - 259	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	9	6		8	5		6		27/09/97
61	K19 - 260	Phạm Thị Ánh	Hồng	10	7		9	0		(3)		
62	K19 - 261	Phan Thị Thùy	Linh	/	/		/					Bỏ học
63	K19 - 262	Tô Phương	Thảo	10	9		10	0		(3)		
64	K19 - 263	Nguyễn Thị	Dung	10	8		9	1		(4)		
65	K19 264	Nguyễn Văn	Hùng	8	6		7	4		5		
66	K19 - 265	Phan Văn	Vinh	/	/		/					Bỏ học

Ấn định danh sách lớp có: ~~66~~ 49 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 49 **Số sinh viên không được dự thi:** không

Số lỗi sửa chữa ĐBP: không **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** không

Ngày 25 *tháng* 1 *năm* 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN | CB CHẤM THI 1 | CB CHẤM THI 2 | CB KIỂM TRA | TP KHẢO THÍ & KĐCL

Ng. Thị Vân Thương | V. Thương | Trần Thị Sen

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: I ....KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Lê Thị Bích Hạnh.....

HỌC PHẦN: Tâm lí học thái cường.....HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết.....

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 200	Trần Thị	Thái	8	9		9	2		(4)		Đợt 1
2	K19 - 201	Hà Thị Kiều	Anh	8	9		9	3		5		Đợt 2
3	K19 - 202	Lương Hải	Anh	10	8		9	4		6		
4	K19 - 203	Nguyễn Thị Hồng	Châm	8	9		9	4		6		
5	K19 - 204	Hoàng Xuân	Diệu	8	9		9	0		(3)		VIL1 KP
6	K19 - 205	Lưu Minh	Đức	9	9		9	4		6		
7	K19 - 206	Nguyễn Thị	Hạnh	8	9		9	6		7		
8	K19 - 207	Nguyễn Thị	Hảo	7	9		8	3		5		
9	K19 - 208	Nguyễn Thị	Hiền	8	9		9	5		6		
10	K19 - 209	Tạ Thị	Hiền	9	8		9	6		7		
11	K19 - 210	Phạm Quang	Hiệp	/	/		/	/		-		không học
12	K19 - 211	Nguyễn Thị	Hoa	9	9		9	2		(4)		
13	K19 - 212	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	/	/		/	/		-		24/12/1997 không học
14	K19 - 213	Nguyễn Thanh	Hoài	8	8		8	5		6		
15	K19 - 214	Hà Thị	Hồng	7	9		8	4		5		
16	K19 - 215	Phan Văn	Hùng	8	7		8	3		5		
17	K19 - 216	Vũ Thị Mỹ	Huyền	/	/		/	/		-		không học
18	K19 - 217	Hoàng Thu	Hương	7	9		8	3		5		
19	K19 - 218	Nguyễn Thị	Hương	8	9		9	4		6		
20	K19 - 219	Phan Thị	Hường	8	9		9	4		6		
21	K19 - 220	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	8	7		8	3		5		
22	K19 - 221	Tạ Thị Bích	Lệ	8	9		9	2		(4)		
23	K19 - 222	Bùi Thị	Liên	/	/		/	/		-		không học
24	K19 - 223	Đỗ Thị	Loan	/	/		/	/		-		không học
25	K19 - 224	Nguyễn Phương	Loan	8	9		9	4		6		
26	K19 - 225	Nguyễn Thị Hồng	Loan	8	8		8	2		(4)		
27	K19 - 226	Trần Thị Kiều	Loan	/	/		/	/		-		không học
28	K19 - 227	Nguyễn Thị	Lơ	/	/		/	/		-		không học
29	K19 - 228	Ngô Thị	Mai	9	9		9	6		7		
30	K19 - 229	Lưu Thị	Mận	8	9		9	2		(4)		
31	K19 - 230	Nguyễn Thị	Minh	/	/		/	/		-		không học
32	K19 - 231	Nguyễn Thị Huyền	My	/	/		/	/		-		không học

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
33	K19 - 232	Phùng Trà	My	\	\		\	\		\		không học
34	K19 - 233	Nguyễn Thị	Ngọc	8	9		9	2		4		
35	K19 - 234	Nguyễn Thị Như	Ngọc	8	9		9	3		5		
36	K19 - 235	Đặng Minh	Nguyệt	\	\		\	\		\		không học
37	K19 - 236	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	\	\		\	\		\		không học
38	K19 - 237	Dương Thị Tuyết	Nhung	8	9		9	2		4		
39	K19 - 238	Hà Thị Hồng	Nhung	7	9		8	6		7		
40	K19 - 239	Nguyễn Thị	Nhung	\	\		\	\		\		không học
41	K19 - 240	Đỗ Thị Thu	Phương	\	\		\	\		\		không học
42	K19 - 241	Nguyễn Mai	Phương	6	8		7	~~0~~ 0		2		VTL1KP
43	K19 - 242	Nguyễn Thị Bích	Phương	8	8		8	~~8~~ 1		3		
44	K19 - 243	Nguyễn Thị	Phương	8	9		9	8		8		
45	K19 - 244	Nguyễn Thị	Quỳnh	8	9		9	2		4		
46	K19 - 245	Nguyễn Thị Minh	Tâm	\	\		\	\		\		không học
47	K19 - 246	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	8	9		9	2		4		
48	K19 - 247	Phùng Thị Kim	Tuyến	8	9		9	9		9		
49	K19 - 248	Hà Thị	Thái	7	9		8	2		4		
50	K19 - 249	Hạ Thị Thanh	Thảo	8	8		8	6		7		
51	K19 - 250	Nguyễn Thị	Thu	8	9		9	5		6		
52	K19 - 251	Trần Bích	Thuận	8	9		9	2		4		
53	K19 - 252	Đỗ Thị Minh	Thuý	8	8		8	5		6		
54	K19 - 253	Đào Thị Thu	Thủy	8	8		8	4		5		
55	K19 - 254	Bùi Huyền	Trang	8	7		8	5		6		
56	K19 - 255	Ngô Thị Thu	Trang	8	8		8	2		4		
57	K19 - 256	Đào Đức	Trung	\	\		\	\		\		không học
58	K19 - 257	Lương Thị	Xuân	7	7		7	1		3		
59	K19 - 258	Trần Thị	Xuân	8	9		9	3		5		
60	K19 - 259	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	7	9		8	5		6		Đợt 3 27/09/1997
61	K19 - 260	Phạm Thị Ánh	Hồng	8	9		9	0		3		VTL1KP
62	K19 - 261	Phan Thị Thùy	Linh	\	\		\	\		\		không học
63	K19 - 262	Tô Phương	Thảo	8	9		9	6		7		
64	K19 - 263	Nguyễn Thị	Dung	8	8		8	7		7		Đợt 4
65	K19 - 264	Nguyễn Văn	Hùng	6	6		6	0		2		
66	K19 - 265	Phan Văn	Vinh	\	\		\	\		\		Đợt 5 không học

Ấn định danh sách lớp có: 66 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 48 **Số sinh viên không được dự thi:** 18

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 01 < 242 > +01/c19.241

Ngày 25 tháng 1 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Lê Thị Bích Hạnh	Lê Thị Bích Hạnh	Trần T. P. Huyền		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: 1 ...KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Trần Văn Hồng

HỌC PHẦN: Tiếng Việt HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 200	Trần Thị	Thái	8	7	8	8	5		6		Đợt 1
2	K19 - 201	Hà Thị Kiều	Anh	8	7	8	8	9		9		Đợt 2
3	K19 - 202	Lương Hải	Anh	8	7	8	8	9		9		
4	K19 - 203	Nguyễn Thị Hồng	Châm	8	7	8	8	7		7		
5	K19 - 204	Hoàng Xuân	Diệu	9	7	7	8	0		3		Văng LHP
6	K19 - 205	Lưu Minh	Đức	9	8	7	8	6		7		
7	K19 - 206	Nguyễn Thị	Hạnh	8	7	7	7	9		8		
8	K19 - 207	Nguyễn Thị	Hảo	8	7	7	7	7		7		
9	K19 - 208	Nguyễn Thị	Hiền	10	8	8	9	10		10		
10	K19 - 209	Tạ Thị	Hiền	10	8	8	9	9		9		
11	K19 - 210	Phạm Quang	Hiệp	\	\	\	\	\		\		bỏ
12	K19 - 211	Nguyễn Thị	Hoa	9	7	7	8	8		8		
13	K19 - 212	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	\	\	\	\					24/12/199
14	K19 - 213	Nguyễn Thanh	Hoài	8	7	8	8	8		8		
15	K19 - 214	Hà Thị	Hồng	8	7	7	7	7		7		
16	K19 - 215	Phan Văn	Hùng	8	7	6	7	3		H		
17	K19 - 216	Vũ Thị Mỹ	Huyền	\	\	\	\	\		\		bỏ
18	K19 - 217	Hoàng Thu	Hương	8	7	7	7	8		8		
19	K19 - 218	Nguyễn Thị	Hương	8	7	8	8	8		8		
20	K19 - 219	Phan Thị	Hường	8	7	7	7	8		8		
21	K19 - 220	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	8	8	8	8	7		7		
22	K19 - 221	Tạ Thị Bích	Lệ	10	9	8	9	9		9		
23	K19 - 222	Bùi Thị	Liên	\	\	\	\					bỏ
24	K19 - 223	Đỗ Thị	Loan	\	\	\	\					
25	K19 - 224	Nguyễn Phương	Loan	8	7	7	7	9		8		
26	K19 - 225	Nguyễn Thị Hồng	Loan	8	7	8	8	9		9		
27	K19 - 226	Trần Thị Kiều	Loan	\	\	\	\					bỏ
28	K19 - 227	Nguyễn Thị	Lơ	\	\	\	\					
29	K19 - 228	Ngô Thị	Mai	8	7	8	8	9		9		
30	K19 - 229	Lưu Thị	Mận	8	8	7	8	5		6		
31	K19 - 230	Nguyễn Thị	Minh	\	\	\	\					bỏ
32	K19 - 231	Nguyễn Thị Huyền	My	\	\	\	\					
33	K19 - 232	Phùng Trà	My	\	\	\	\					

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
34	K19 - 233	Nguyễn Thị	Ngọc	9	8	8	8	8		8		
35	K19 - 234	Nguyễn Thị Như	Ngọc	9	7	7	8	5		6		
36	K19 - 235	Đặng Minh	Nguyệt	\	\	\	\	\		\		bỏ
37	K19 - 236	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	\	\	\	\	\		\		
38	K19 - 237	Dương Thị Tuyết	Nhung	9	7	7	8	5		6		
39	K19 - 238	Hà Thị Hồng	Nhung	9	7	7	8	8		8		
40	K19 - 239	Nguyễn Thị	Nhung	\	\	\	\	\		\		bỏ
41	K19 - 240	Đỗ Thị Thu	Phương									
42	K19 - 241	Nguyễn Mai	Phương	8	7	7	7	0		2		Vắng LHKP
43	K19 - 242	Nguyễn Thị Bích	Phương	8	7	7	7	7		7		
44	K19 - 243	Nguyễn Thị	Phượng	8	8	7	8	7		7		
45	K19 - 244	Nguyễn Thị	Quỳnh	8	7	8	8	7		7		
46	K19 - 245	Nguyễn Thị Minh	Tâm	\	\	\	\	\		\		bỏ
47	K19 - 246	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	8	7	8	8	7		7		
48	K19 - 247	Phùng Thị Kim	Tuyến	8	8	8	8	9		9		
49	K19 - 248	Hà Thị	Thái	8	7	7	7	6		6		
50	K19 - 249	Hạ Thị Thanh	Thảo	8	7	8	8	9		9		
51	K19 - 250	Nguyễn Thị	Thu	8	7	7	7	7		7		
52	K19 - 251	Trần Bích	Thuận	10	9	8	9	9		9		
53	K19 - 252	Đỗ Thị Minh	Thuý	8	7	7	7	8		8		
54	K19 - 253	Đào Thị Thu	Thủy	8	7	8	8	8		8		
55	K19 - 254	Bùi Huyền	Trang	8	7	8	8	0		3		VPQC
56	K19 - 255	Ngô Thị Thu	Trang	8	7	8	8	6		7		
57	K19 - 256	Đào Đức	Trung	\	\	\	\					bỏ
58	K19 - 257	Lương Thị	Xuân	8	7	8	8	8		8		
59	K19 - 258	Trần Thị	Xuân	8	7	7	7	8		8		
60	K19 - 259	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	8	7	7	7	7		7		Đợt 3 27/09/97
61	K19 - 260	Phạm Thị Ánh	Hồng	8	7	7	7	8		8		
62	K19 - 261	Phan Thị Thùy	Linh	\	\	\	\	\		\		bỏ
63	K19 - 262	Tô Phương	Thảo	8	7	7	7	9		8		
64	K19 - 263	Nguyễn Thị	Dung	8	7	8	8	6		7		Đợt 4
65	K19 264	Nguyễn Văn	Hùng	7	7	7	7	6		6		
66	K19 - 265	Phan Văn	Vinh	\	\	\	\					Đợt 5 bỏ

Ấn định danh sách lớp có: 66 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 48 **Số sinh viên không được dự thi:** 18

Số lỗi sửa chữa ĐBP: không **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** không

Ngày 22 *tháng* 1 *năm* 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN CB CHẤM THI 1 CB CHẤM THI 2 CB KIỂM TRA TP KHẢO THÍ & KĐCL

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 – GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: I...KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: ..... Nguyễn Thái Thuần .....

HỌC PHẦN: ..... GDTC 1 ..... HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Thực hành

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1	L2	
					A1	A2	A3	A4	A5	A6			
1	K19 - 200	Trần Thị	Thái	8	7						7		Đợt 1
2	K19 - 201	Hà Thị Kiều	Anh	8	7						7		Đợt 2
3	K19 - 202	Lương Hải	Anh	8	8						8		
4	K19 - 203	Nguyễn Thị Hồng	Châm	8	7						7		
5	K19 - 204	Hoàng Xuân	Diệu	8	7						7		
6	K19 - 205	Lưu Minh	Đức	8	8						8		
7	K19 - 206	Nguyễn Thị	Hạnh	9	10						10		
8	K19 - 207	Nguyễn Thị	Hảo	8	7						7		
9	K19 - 208	Nguyễn Thị	Hiền	9	10						10		
10	K19 - 209	Tạ Thị	Hiền	8	7						7		
11	K19 - 210	Phạm Quang	Hiệp	1	1						1		bỏ học
12	K19 - 211	Nguyễn Thị	Hoa	8	8						8		
13	K19 - 212	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	8	8						8		24/12/1997
14	K19 - 213	Nguyễn Thanh	Hoài	8	9						9		
15	K19 - 214	Hà Thị	Hồng	8	7						7		
16	K19 - 215	Phan Văn	Hùng	8	7						7		
17	K19 - 216	Vũ Thị Mỹ	Huyền	1	1						1		bỏ học
18	K19 - 217	Hoàng Thu	Hương	9	9						9		
19	K19 - 218	Nguyễn Thị	Hương	8	9						9		
20	K19 - 219	Phan Thị	Hường	8	7						7		
21	K19 - 220	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	9	10						10		
22	K19 - 221	Tạ Thị Bích	Lệ	9	9						9		
23	K19 - 222	Bùi Thị	Liên	1	1						1		bỏ học
24	K19 - 223	Đỗ Thị	Loan	1	1						1		bỏ học
25	K19 - 224	Nguyễn Phương	Loan	8	8						8		
26	K19 - 225	Nguyễn Thị Hồng	Loan	8	7						7		
27	K19 - 226	Trần Thị Kiều	Loan	1	1						1		bỏ học
28	K19 - 227	Nguyễn Thị	Lơ	1	1						1		bỏ học
29	K19 - 228	Ngô Thị	Mai	8	8						8		
30	K19 - 229	Lưu Thị	Mận	8	7						7		
31	K19 - 230	Nguyễn Thị	Minh	1	1						1		bỏ học
32	K19 - 231	Nguyễn Thị Huyền	My	1	1						1		bỏ học
33	K19 - 232	Phùng Trà	My	1	1						1		bỏ học
34	K19 - 233	Nguyễn Thị	Ngọc	8	8						8		
35	K19 - 234	Nguyễn Thị Như	Ngọc	8	9						9		
36	K19 - 235	Đặng Minh	Nguyệt	1	1						1		bỏ học
37	K19 - 236	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	1	1						1		bỏ học
38	K19 - 237	Dương Thị Tuyết	Nhung	8	7						7		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1	L2	
					A1	A2	A3	A4	A5	A6			
39	K19 - **238**	Hà Thị Hồng	Nhung	8	7						7		
40	K19 - **239**	Nguyễn Thị	Nhung	1	1						1		bỏ học
41	K19 - **240**	Đỗ Thị Thu	Phương	1	1						1		bỏ học
42	K19 - **241**	Nguyễn Mai	Phương	8	8						8		
43	K19 - **242**	Nguyễn Thị Bích	Phương	8	7						7		
44	K19 - **243**	Nguyễn Thị	Phương	8	8						8		
45	K19 - **244**	Nguyễn Thị	Quỳnh	8	7						7		
46	K19 - **245**	Nguyễn Thị Minh	Tâm	1	1						1		bỏ học
47	K19 - **246**	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	8	7						7		
48	K19 - **247**	Phùng Thị Kim	Tuyến	9	9						9		
49	K19 - **248**	Hà Thị	Thái	8	7						7		
50	K19 - **249**	Hạ Thị Thanh	Thảo	8	7						7		
51	K19 - **250**	Nguyễn Thị	Thu	9	10						10		
52	K19 - **251**	Trần Bích	Thuận	8	8						8		
53	K19 - **252**	Đỗ Thị Minh	Thuý	8	8						8		
54	K19 - **253**	Đào Thị Thu	Thủy	8	7						7		
55	K19 - **254**	Bùi Huyền	Trang	8	7						7		
56	K19 - **255**	Ngô Thị Thu	Trang	8	7						7		
57	K19 - **256**	Đào Đức	Trung	1	1						1		bỏ học
58	K19 - **257**	Lương Thị	Xuân	8	8						8		
59	K19 - **258**	Trần Thị	Xuân	8	8						8		
60	K19 - **259**	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	1	1						1		Đợt 3 27/09/1997 bỏ học
61	K19 - **260**	Phạm Thị Ánh	Hồng	9	10						10		
62	K19 - **261**	Phan Thị Thùy	Linh	1	1						1		bỏ học
63	K19 - **262**	Tô Phương	Thảo	8	8						8		
64	K19 - **263**	Nguyễn Thị	Dung	8	7						7		Đợt 4
65	K19 - **264**	Nguyễn Văn	Hùng	8	8						8		
66	K19 - **265**	Phan Văn	Vinh	1	1						1		Đợt 5 bỏ học

Ấn định danh sách lớp có: 66 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 48 **Số sinh viên không được dự thi:** 0

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP**

Ngày 22 *tháng* 1 *năm* 2018

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Ng. Hữu Huân	Ng. Hữu Huân			

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: I KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Thị Thanh Nga - Ng Hữu Chính - Ng T. Thanh Thủy

HỌC PHẦN: Cơ sở TV Nhiên - XÃ HỘI HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Thi 2287

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 200	Trần Thị	Thái	9	8	9	9	3		5		Đợt 1
2	K19 - 201	Hà Thị Kiều	Anh	9	8	9	9	4		6		Đợt 2
3	K19 - 202	Lương Hải	Anh	9	8	8	8	2		4		
4	K19 - 203	Nguyễn Thị Hồng	Châm	8	7	10	8	2		4		
5	K19 - 204	Hoàng Xuân	Diệu	8	8	9	8	0		3		Vắng L1KP
6	K19 - 205	Lưu Minh	Đức	8	8	9	8	4		~~6~~ 5		
7	K19 - 206	Nguyễn Thị	Hạnh	7	7	9	8	5		6		
8	K19 - 207	Nguyễn Thị	Hảo	8	7	9	8	4		5		
9	K19 - 208	Nguyễn Thị	Hiền	9	8	9	9	6		7		
10	K19 - 209	Tạ Thị	Hiền	9	8	10	9	7		8		
11	K19 - 210	Phạm Quang	Hiệp	-	-	-	-	-		-		
12	K19 - 211	Nguyễn Thị	Hoa	8	8	9	8	3		5		
13	K19 - 212	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	-	-	-	-	-		-		24/12/1997
14	K19 - 213	Nguyễn Thanh	Hoài	9	7	9	8	3		5		
15	K19 - 214	Hà Thị	Hồng	8	8	9	8	3		5		
16	K19 - 215	Phan Văn	Hùng	8	7	8	8	3		5		
17	K19 - 216	Vũ Thị Mỹ	Huyền	-	-	-	-	-		-		
18	K19 - 217	Hoàng Thu	Hương	8	8	8	8	2		4		
19	K19 - 218	Nguyễn Thị	Hương	9	7	9	8	4		5		
20	K19 - 219	Phan Thị	Hường	9	7	10	9	2		4		
21	K19 - 220	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	8	8	8	8	2		4		
22	K19 - 221	Tạ Thị Bích	Lệ	9	7	9	8	2		4		
23	K19 - 222	Bùi Thị	Liên	-	-	-	-	-		-		
24	K19 - 223	Đỗ Thị	Loan	-	-	-	-	-		-		
25	K19 - 224	Nguyễn Phương	Loan	9	7	9	8	3		5		
26	K19 - 225	Nguyễn Thị Hồng	Loan	9	8	9	9	2		4		
27	K19 - 226	Trần Thị Kiều	Loan	-	-	-	-	-		-		
28	K19 - 227	Nguyễn Thị	Lơ	-	-	-	-	-		-		
29	K19 - 228	Ngô Thị	Mai	7	7	9	8	5		6		
30	K19 - 229	Lưu Thị	Mận	7	8	9	8	2		4		
31	K19 - 230	Nguyễn Thị	Minh	-	-	-	-	-		-		
32	K19 - 231	Nguyễn Thị Huyền	My	-	-	-	-	-		-		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
33	K19 - 232	Phùng Trà	My	~	~	~	~	~		~		
34	K19 - 233	Nguyễn Thị	Ngọc	9	7	10	9	4		6		
35	K19 - 234	Nguyễn Thị Như	Ngọc	9	7	8	8	3		5		
36	K19 - 235	Đặng Minh	Nguyệt	~	~	~	~	~				
37	K19 - 236	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	~	~	~	~	~		~		
38	K19 - 237	Dương Thị Tuyết	Nhung	8	8	9	8	4		5		
39	K19 - 238	Hà Thị Hồng	Nhung	8	8	9	8	4		5		
40	K19 - 239	Nguyễn Thị	Nhung	~	~	~	~	~		~		
41	K19 - 240	Đỗ Thị Thu	Phương	~	~	~	~	~		~		
42	K19 - 241	Nguyễn Mai	Phương	6	8	8	7	0		2		Vắng 1 KTTX
43	K19 - 242	Nguyễn Thị Bích	Phương	9	7	9	8	4		5		
44	K19 - 243	Nguyễn Thị	Phượng	9	7	9	8	4		5		
45	K19 - 244	Nguyễn Thị	Quỳnh	9	8	8	8	5		6		
46	K19 - 245	Nguyễn Thị Minh	Tâm	~	~	~	~	~		~		
47	K19 - 246	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	9	7	9	8	4		5		
48	K19 - 247	Phùng Thị Kim	Tuyến	9	7	9	8	7		7		
49	K19 - 248	Hà Thị	Thái	8	8	9	8	5		6		
50	K19 - 249	Hạ Thị Thanh	Thảo	8	8	9	8	7		7		
51	K19 - 250	Nguyễn Thị	Thu	9	8	9	9	2		4		
52	K19 - 251	Trần Bích	Thuận	9	7	9	8	4		5		
53	K19 - 252	Đỗ Thị Minh	Thuý	9	8	8	8	2		4		
54	K19 - 253	Đào Thị Thu	Thủy	9	7	9	8	3		5		
55	K19 - 254	Bùi Huyền	Trang	7	8	8	8	4		5		
56	K19 - 255	Ngô Thị Thu	Trang	9	7	8	8	5		6		
57	K19 - 256	Đào Đức	Trung	~	~	~	~	~		~		
58	K19 - 257	Lương Thị	Xuân	9	8	9	9	4		6		
59	K19 - 258	Trần Thị	Xuân	9	7	10	9	6		7		
60	K19 - 259	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	9	8	8	8	3		5		Đợt 3 27/09/1997
61	K19 - 260	Phạm Thị Ánh	Hồng	9	8	8	8	5		6		
62	K19 - 261	Phan Thị Thùy	Linh	~	~	~	~	~		~		
63	K19 - 262	Tô Phương	Thảo	9	8	9	9	2		4		
64	K19 - 263	Nguyễn Thị	Dung	9	7	9	8	4		5		Đợt 4
65	K19 - 264	Nguyễn Văn	Hùng	5	9	9	8	3		5		
66	K19 - 265	Phan Văn	Vinh	~	~	~	~	~		~		Đợt 5

Ấn định danh sách lớp có: 66 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 48 **Số sinh viên không được dự thi:** 18 - không học

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 02 - 205, 241

Ngày 22 *tháng* 1 *năm* 2018

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Nguyễn T. Thanh Nga Nguyễn Hữu Chính Nguyễn T. Thanh Thuỷ	Nguyễn Ngọ	Nguyễn T. T. Thuỷ		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: I ...KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: NGUYỄN THỊ PHƯỢNG

HỌC PHẦN: Những NLCB của CNMLN(2) HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: VIẾT

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 200	Trần Thị	Thái	9	8		9	3		5		Đợt 1
2	K19 - 201	Hà Thị Kiều	Anh	9	8		9	7		8		Đợt 2
3	K19 - 202	Lương Hải	Anh	9	9		9	5		6		
4	K19 - 203	Nguyễn Thị Hồng	Châm	9	7		8	5		6		
5	K19 - 204	Hoàng Xuân	Diệu	9	7		8	0		3		VL, KP
6	K19 - 205	Lưu Minh	Đức	9	7		8	3		5		
7	K19 - 206	Nguyễn Thị	Hạnh	8	7		8	7		7		
8	K19 - 207	Nguyễn Thị	Hảo	9	7		8	5		6		
9	K19 - 208	Nguyễn Thị	Hiền	9	7		8	3		5		
10	K19 - 209	Tạ Thị	Hiền	9	9		9	8		8		
11	K19 - 210	Phạm Quang	Hiệp	\	\		\	\		\		Bỏ
12	K19 - 211	Nguyễn Thị	Hoa	9	8		9	5		6		
13	K19 - 212	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	\	\		\	\		\		24/12/1997
14	K19 - 213	Nguyễn Thanh	Hoài	9	9		9	6		7		
15	K19 - 214	Hà Thị	Hồng	9	7		8	5		6		
16	K19 - 215	Phan Văn	Hùng	8	7		8	3		5		
17	K19 - 216	Vũ Thị Mỹ	Huyền	\	\		\	\		\		Bỏ
18	K19 - 217	Hoàng Thu	Hương	9	7		8	4		5		
19	K19 - 218	Nguyễn Thị	Hương	9	7		8	6		7		
20	K19 - 219	Phan Thị	Hường	9	8		9	6		7		
21	K19 - 220	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	7	6		7	4		5		
22	K19 - 221	Tạ Thị Bích	Lệ	9	7		8	7		7		
23	K19 - 222	Bùi Thị	Liên	\	\		\	\		\		Bỏ
24	K19 - 223	Đỗ Thị	Loan	\	\		\	\		\		
25	K19 - 224	Nguyễn Phương	Loan	9	9		9	6		7		
26	K19 - 225	Nguyễn Thị Hồng	Loan	9	7		8	5		6		
27	K19 - 226	Trần Thị Kiều	Loan	\	\		\	\		\		Bỏ
28	K19 - 227	Nguyễn Thị	Lơ	\	\		\	\		\		
29	K19 - 228	Ngô Thị	Mai	9	8		9	7		8		
30	K19 - 229	Lưu Thị	Mận	9	7		8	3		5		
31	K19 - 230	Nguyễn Thị	Minh	\	\		\	\		\		Bỏ
32	K19 - 231	Nguyễn Thị Huyền	My	\	\		\	\		\		
33	K19 - 232	Phùng Trà	My	\	\		\	\		\		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
34	K19 - 233	Nguyễn Thị	Ngọc	9	7		8	6		7		
35	K19 - 234	Nguyễn Thị Như	Ngọc	9	7		8	6		7		
36	K19 - 235	Đặng Minh	Nguyệt	\	\		\	\		\		Bỏ
37	K19 - 236	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	\	\		\	\		\		Bỏ
38	K19 - 237	Dương Thị Tuyết	Nhung	9	7		8	2		4		
39	K19 - 238	Hà Thị Hồng	Nhung	9	7		8	6		7		
40	K19 - 239	Nguyễn Thị	Nhung	\	\		\	\		\		Bỏ
41	K19 - 240	Đỗ Thị Thu	Phương	\	\		\	\		\		Bỏ
42	K19 - 241	Nguyễn Mai	Phương	9	7		8	0		3		VL1 KĐ
43	K19 - 242	Nguyễn Thị Bích	Phương	9	7		8	5		6		
44	K19 - 243	Nguyễn Thị	Phượng	8	6		7	7		7		
45	K19 - 244	Nguyễn Thị	Quỳnh	9	7		8	3		5		
46	K19 - 245	Nguyễn Thị Minh	Tâm	\	\		\	\		\		Bỏ
47	K19 - 246	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	9	7		8	5		6		
48	K19 - 247	Phùng Thị Kim	Tuyến	9	7		8	8		8		
49	K19 - 248	Hà Thị	Thái	8	7		8	5		6		
50	K19 - 249	Hạ Thị Thanh	Thảo	9	7		8	8		8		
51	K19 - 250	Nguyễn Thị	Thu	9	7		8	4		5		
52	K19 - 251	Trần Bích	Thuận	9	7		8	8		8		
53	K19 - 252	Đỗ Thị Minh	Thuý	9	7		8	4		5		
54	K19 - 253	Đào Thị Thu	Thủy	9	8		9	4		6		
55	K19 - 254	Bùi Huyền	Trang	7	6		7	4		5		
56	K19 - 255	Ngô Thị Thu	Trang	9	7		8	4		5		
57	K19 - 256	Đào Đức	Trung	\	\		\	\		\		Bỏ
58	K19 - 257	Lương Thị	Xuân	9	7		8	5		6		
59	K19 - 258	Trần Thị	Xuân	9	8		9	6		7		
60	K19 - 259	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	9	7		8	5		6		27/09/97
61	K19 - 260	Phạm Thị Ánh	Hồng	9	7		8	4		5		
62	K19 - 261	Phan Thị Thùy	Linh	\	\		\	\		\		Bỏ
63	K19 - 262	Tô Phương	Thảo	9	7		8	3		5		
64	K19 - 263	Nguyễn Thị	Dung	8	7		8	4		5		
65	K19 264	Nguyễn Văn	Hùng	8	8		8	5		6		
66	K19 - 265	Phan Văn	Vinh	\	\		\	\		\		Bỏ

Ấn định danh sách lớp có: 66 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 48 **Số sinh viên không được dự thi:** 18

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 22 *tháng* 1 *năm* 2018

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Nguyễn Thị Phương	Ng T. Phương	Ng Đức Chiến		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: I ....KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: ĐẶNG THỊ NHỊ

HỌC PHẦN: Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic Toán HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 200	Trần Thị	Thái	8	7	8	8	0		3		Đợt 1
2	K19 - 201	Hà Thị Kiều	Anh	10	9	9	9	6		7		Đợt 2
3	K19 - 202	Lương Hải	Anh	10	10	10	10	3		5		
4	K19 - 203	Nguyễn Thị Hồng	Châm	9	9	9	9	3		5		
5	K19 - 204	Hoàng Xuân	Diệu	9	9	9	9	0		3		VKPL1
6	K19 - 205	Lưu Minh	Đức	9	9	9	9	2		4		
7	K19 - 206	Nguyễn Thị	Hạnh	9	8	8	8	5		6		
8	K19 - 207	Nguyễn Thị	Hảo	9	9	9	9	3		5		
9	K19 - 208	Nguyễn Thị	Hiền	9	9	9	9	5		6		
10	K19 - 209	Tạ Thị	Hiền	10	10	10	10	4		6		
11	K19 - 210	Phạm Quang	Hiệp	/	/	/	/	/		/		bỏ
12	K19 - 211	Nguyễn Thị	Hoa	9	9	9	9	4		6		
13	K19 - 212	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	/	/	/	/	/		/		24/12/1997
14	K19 - 213	Nguyễn Thanh	Hoài	9	8	8	8	5		6		
15	K19 - 214	Hà Thị	Hồng	9	8	8	8	4		5		
16	K19 - 215	Phan Văn	Hùng	9	10	10	10	4		6		
17	K19 - 216	Vũ Thị Mỹ	Huyền	/	/	/	/	/		/		bỏ
18	K19 - 217	Hoàng Thu	Hương	9	8	8	8	5		6		
19	K19 - 218	Nguyễn Thị	Hương	9	10	10	10	5		7		
20	K19 - 219	Phan Thị	Hường	9	9	9	9	5		6		
21	K19 - 220	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	8	8	8	8	5		6		
22	K19 - 221	Tạ Thị Bích	Lệ	8	8	8	8	5		6		
23	K19 - 222	Bùi Thị	Liên	/	/	/	/	/		/		/ bỏ
24	K19 - 223	Đỗ Thị	Loan	/	/	/	/	/		/		
25	K19 - 224	Nguyễn Phương	Loan	9	9	9	9	6		7		
26	K19 - 225	Nguyễn Thị Hồng	Loan	9	9	9	9	4		6		
27	K19 - 226	Trần Thị Kiều	Loan	/	/	/	/	/		/		/ bỏ
28	K19 - 227	Nguyễn Thị	Lơ	/	/	/	/	/		/		
29	K19 - 228	Ngô Thị	Mai	8	8	8	8	8		8		
30	K19 - 229	Lưu Thị	Mận	8	8	8	8	3		5		
31	K19 - 230	Nguyễn Thị	Minh	/	/	/	/	/		/		/ bỏ
32	K19 - 231	Nguyễn Thị Huyền	My	/	/	/	/	/		/		
33	K19 - 232	Phùng Trà	My									

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
34	K19 - 233	Nguyễn Thị	Ngọc	9	8	8	8	3		5		
35	K19 - 234	Nguyễn Thị Như	Ngọc	9	9	9	9	6		7		
36	K19 - 235	Đặng Minh	Nguyệt	/	/	/	/	/		/		/ bỏ
37	K19 - 236	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	/	/	/	/	/		/		
38	K19 - 237	Dương Thị Tuyết	Nhung	9	8	8	8	7		7		
39	K19 - 238	Hà Thị Hồng	Nhung	9	8	8	8	6		7		
40	K19 - 239	Nguyễn Thị	Nhung	/	/	/	/	/		/		/ bỏ
41	K19 - 240	Đỗ Thị Thu	Phương	/	/	/	/	/		/		
42	K19 - 241	Nguyễn Mai	Phương	8	8	8	8	0		(3)		VICP L1
43	K19 - 242	Nguyễn Thị Bích	Phương	9	8	8	8	4		5		
44	K19 - 243	Nguyễn Thị	Phượng	9	8	8	8	8		8		
45	K19 - 244	Nguyễn Thị	Quỳnh	9	8	8	8	4		5		
46	K19 - 245	Nguyễn Thị Minh	Tâm	/	/	/	/	/		/		bỏ
47	K19 - 246	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	9	8	8	8	6		7		
48	K19 - 247	Phùng Thị Kim	Tuyến	9	8	8	8	7		7		
49	K19 - 248	Hà Thị	Thái	9	9	9	9	4		6		
50	K19 - 249	Hạ Thị Thanh	Thảo	10	10	10	10	7		8		
51	K19 - 250	Nguyễn Thị	Thu	9	8	8	8	7		7		
52	K19 - 251	Trần Bích	Thuận	9	8	8	8	8		8		
53	K19 - 252	Đỗ Thị Minh	Thuý	9	8	8	8	6		7		
54	K19 - 253	Đào Thị Thu	Thủy	9	9	9	9	3		5		
55	K19 - 254	Bùi Huyền	Trang	8	8	8	8	2		(4)		
56	K19 - 255	Ngô Thị Thu	Trang	8	8	8	8	2		(4)		
57	K19 - 256	Đào Đức	Trung	/	/	/	/	/		/		bỏ
58	K19 - 257	Lương Thị	Xuân	8	8	8	8	5		6		
59	K19 - 258	Trần Thị	Xuân	10	10	10	10	3		5		
60	K19 - 259	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	10	9	9	9	3		5		27/09/97
61	K19 - 260	Phạm Thị Ánh	Hồng	10	8	8	8	2		(4)		
62	K19 - 261	Phan Thị Thùy	Linh	/	/	/	/	/		/		bỏ
63	K19 - 262	Tô Phương	Thảo	9	8	8	8	5		6		
64	K19 - 263	Nguyễn Thị	Dung	7	7	7	7	5		6		
65	K19 264	Nguyễn Văn	Hùng	7	7	7	7	4		5		
66	K19 - 265	Phan Văn	Vinh	/	/	/	/	/		/		bỏ

Ấn định danh sách lớp có: 66 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 48 **Số sinh viên không được dự thi:** 18

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 6 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 8

Ngày 22 *tháng* 1 *năm* 2019

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
ĐẶNG THỊ NHỊ	ĐẶNG THỊ NHỊ	Đào T. Le. Giq		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K19 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: I KHÓA HỌC 2015 - 2018

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Lê Thị Thanh Thảo

HỌC PHẦN: Những vấn đề cơ bản của giáo dục HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K19 - 200	Trần Thị	Thái	9	8		9	1		4		Đợt 1
2	K19 - 201	Hà Thị Kiều	Anh	9	8		9	2		4		Đợt 2
3	K19 - 202	Lương Hải	Anh	9	9		9	2		4		
4	K19 - 203	Nguyễn Thị Hồng	Châm	9	8		9	1		4		
5	K19 - 204	Hoàng Xuân	Diệu	9	8		9	0		3		
6	K19 - 205	Lưu Minh	Đức	9	8		9	2		4		
7	K19 - 206	Nguyễn Thị	Hạnh	9	8		9	4		6		
8	K19 - 207	Nguyễn Thị	Hảo	9	7		8	0		3		
9	K19 - 208	Nguyễn Thị	Hiền	9	8		9	6		7		
10	K19 - 209	Tạ Thị	Hiền	8	7		8	5		6		
11	K19 - 210	Phạm Quang	Hiệp	\	\		\	\		\		Bỏ học
12	K19 - 211	Nguyễn Thị	Hoa	9	8		9	3		5		
13	K19 - 212	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	\	\		\	\		\		Bỏ 24/12/1997 học
14	K19 - 213	Nguyễn Thanh	Hoài	9	8		9	3		5		
15	K19 - 214	Hà Thị	Hồng	9	8		9	3		5		
16	K19 - 215	Phan Văn	Hùng	8	7		8	2		4		
17	K19 - 216	Vũ Thị Mỹ	Huyền	\	\		\	\		\		Bỏ học
18	K19 - 217	Hoàng Thu	Hương	8	6		7	1		3		
19	K19 - 218	Nguyễn Thị	Hương	5	8		7	4		5		
20	K19 - 219	Phan Thị	Hường	8	7		8	1		3		
21	K19 - 220	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	7	6		7	2		4		
22	K19 - 221	Tạ Thị Bích	Lệ	5	8		7	2		4		
23	K19 - 222	Bùi Thị	Liên	\	\		\	\		\		Bỏ học
24	K19 - 223	Đỗ Thị	Loan	\	\		\	\		\		Bỏ học
25	K19 - 224	Nguyễn Phương	Loan	9	9		9	2		4		
26	K19 - 225	Nguyễn Thị Hồng	Loan	9	7		8	3		5		
27	K19 - 226	Trần Thị Kiều	Loan	\	\		\	\		\		Bỏ học
28	K19 - 227	Nguyễn Thị	Lơ	\	\		\	\		\		Bỏ học
29	K19 - 228	Ngô Thị	Mai	8	8		8	4		5		
30	K19 - 229	Lưu Thị	Mận	9	8		9	3		5		
31	K19 - 230	Nguyễn Thị	Minh	\	\		\	\		\		Bỏ học
32	K19 - 231	Nguyễn Thị Huyền	My	\	\		\	\		\		Bỏ học

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
33	K19 - 232	Phùng Trà	My	\	\		\	\		\		Bỏ học
34	K19 - 233	Nguyễn Thị	Ngọc	9	8		9	5		6		
35	K19 - 234	Nguyễn Thị Như	Ngọc	9	8		9	7		8		
36	K19 - 235	Đặng Minh	Nguyệt	\	\		\	\		\		Bỏ học
37	K19 - 236	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	\	\		\	\		\		Bỏ học
38	K19 - 237	Dương Thị Tuyết	Nhung	9	8		9	6		7		
39	K19 - 238	Hà Thị Hồng	Nhung	9	8		9	7		8		
40	K19 - 239	Nguyễn Thị	Nhung	\	\		\	\		\		Bỏ học
41	K19 - 240	Đỗ Thị Thu	Phương	\	\		\	\		\		Bỏ học
42	K19 - 241	Nguyễn Mai	Phương	7	6		7	0		(2)		(Bỏ thi)
43	K19 - 242	Nguyễn Thị Bích	Phương	9	8		9	6		7		
44	K19 - 243	Nguyễn Thị	Phương	8	8		8	7		7		
45	K19 - 244	Nguyễn Thị	Quỳnh	9	8		9	4		6		
46	K19 - 245	Nguyễn Thị Minh	Tâm	\	\		\	\		\		
47	K19 - 246	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	9	8		9	7		8		
48	K19 - 247	Phùng Thị Kim	Tuyến	9	8		9	6		7		
49	K19 - 248	Hà Thị	Thái	9	8		9	4		6		
50	K19 - 249	Hạ Thị Thanh	Thảo	8	7		8	6		7		
51	K19 - 250	Nguyễn Thị	Thu	9	8		9	3		5		
52	K19 - 251	Trần Bích	Thuận	5	8		7	4		5		
53	K19 - 252	Đỗ Thị Minh	Thuý	9	7		8	4		5		
54	K19 - 253	Đào Thị Thu	Thủy	9	8		9	5		6		
55	K19 - 254	Bùi Huyền	Trang	7	6		7	4		5		
56	K19 - 255	Ngô Thị Thu	Trang	9	8		9	6		7		
57	K19 - 256	Đào Đức	Trung	\	\		\	\		\		Bỏ học
58	K19 - 257	Lương Thị	Xuân	8	6		7	6		6		
59	K19 - 258	Trần Thị	Xuân	8	8		8	5		6		
60	K19 - 259	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	9	6		8	7		7		Đợt 3 27/09/1997
61	K19 - 260	Phạm Thị Ánh	Hồng	9	8		9	7		8		
62	K19 - 261	Phan Thị Thùy	Linh	\	\		\	\		\		Bỏ học
63	K19 - 262	Tô Phương	Thảo	9	8		9	6		7		
64	K19 - 263	Nguyễn Thị	Dung	8	8		8	6		7		Đợt 4
65	K19 - 264	Nguyễn Văn	Hùng	7	8		8	2		(4)		
66	K19 - 265	Phan Văn	Vinh	\	\		\	\		\		Bỏ Đợt 5 học

Ấn định danh sách lớp có: 66 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 48/66 Số sinh viên không được dự thi: 18

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP 0

Ngày 25 tháng 1 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Lê Thị Thanh Thảo	Lê T. Thanh Thảo	Trần Thanh Tùng		